

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu:

1. Phạm vi công việc của gói thầu: Gói thầu XL.2025.07: Thi công xây lắp và cung cấp một phần VTTB cho công trình: Nâng cấp, cải tạo nhánh rẽ 22kV Cờ Đỏ từ trụ 01 đến trụ 45 nối lưới trạm 110kV Bàu Bàng 2 và trạm 110kV Lai Uyên.

2. Quy mô chính dự án, cụ thể:

- ĐD trên không 22kV nâng cấp cải tạo và lắp dây chống sét: 3,115km.
- ĐD trên không nâng cấp cải tạo thành đường dây ngầm 22kV: 0,085km.

3. Yêu cầu về tiến độ và thời hạn hoàn thành: 84 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình (Bao gồm ngày chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).

4. Chi tiết liên quan nội dung chào giá:

i. Các lưu ý trong quá trình chào giá:

- o Nhà thầu phải chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, bản vẽ thiết kế khi dự thầu và Chủ đầu tư sẽ không giải quyết phát sinh khối lượng trong trường hợp bảng khối lượng bóc thiếu khối lượng nhưng bản vẽ thiết kế có thể hiện. Trường hợp nhà thầu phát hiện khối lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng chào riêng cho phần khối lượng sai khác này để Chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.
- o Nhà thầu phải chào giá trọn gói cho mỗi hạng mục công việc. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất (**Mức thuế suất VAT qui định trong giá chào thầu của nhà thầu là 08%, mức thuế suất thực tế tại thời điểm thương thảo hợp đồng, ký kết thực hiện hợp đồng và thanh quyết toán sẽ được điều chỉnh thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước về thuế VAT**), mức phí, lệ phí, nhân công, máy thi công, chi phí nhân công tháo lắp lại cáp thông tin treo trên trụ, chi phí nhân công tháo lắp lại cáp duplex cấp điện cho khách hàng, chi phí thử nghiệm mẫu VTTB Tổng giá của tất cả các hạng mục công việc sẽ là giá dự thầu. Nhà thầu cần cung cấp file bảng giá dự thầu vào bộ hồ sơ dự thầu để quá trình xét thầu được nhanh chóng thuận lợi.
- o Nhà thầu phải điền đầy đủ các đơn giá dự thầu và thành tiền. Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- o Phần vật tư thiết bị do bên A cấp tại kho PCBD, nhà thầu vận chuyển đến chân công trình và lắp đặt tại công trường.

- o Bảng tiên lượng mời thầu phải được đọc chung với hồ sơ bản vẽ mời thầu. Nếu trong quá trình kiểm tra tính toán có phát hiện sai biệt giữa khối lượng trong bản vẽ mời thầu và phần mục khối lượng mời thầu đề nghị nhà thầu bổ sung thêm mục:
 - Khối lượng ngoài khối lượng mời thầu (không có trong tiên lượng mời thầu).
 - Khối lượng cân hiệu chỉnh (khối lượng thừa hoặc thiếu so với khối lượng mời thầu).
 - Các khối lượng trên được lập thành hạng mục riêng biệt và không cộng chung vào tổng giá trị dự thầu, được xem xét trong quá trình thương thảo hợp đồng.
 - Khối lượng chi tiết nhà thầu xem trong bản vẽ thiết kế thi công Tập 3 của HSMT.
- o Nhà thầu tự kiểm tra và tính toán biện pháp thi công để chào giá cho toàn bộ công tác đền bù phục vụ thi công. Nhà thầu phải chịu mọi thiệt hại về đền bù do quá trình thi công gây ra.
- o Về công tác liên quan đến đào, đắp đất hố móng (xác định cấp đất, tát nước hố móng phục vụ công tác đổ bê tông, đắp bờ bao và đặc biệt là các giải pháp cho việc thi công). Nhà thầu tự tính toán, kiểm tra xem xét điều kiện thực tế tại hiện trường để đưa ra biện pháp cho phù hợp theo biện pháp thi công của mình và chào giá vào tổng giá dự thầu theo lô cho từng vị trí móng cột, kè móng.
- o Đơn giá bê tông phải kê đến công tác ván khuôn chào chung trong đơn giá bê tông, kể cả phụ gia để đổ bê tông và phụ gia đông kết nhanh để đảm bảo tiến độ công trình (nếu có).
- o Nhà thầu tự tính toán mặt bằng và tổ chức lán trại tạm để tiếp nhận và bảo quản vật tư thiết bị do A cấp và phân bổ vào giá dự thầu. Các hư hỏng mất mát do nhà thầu gây nên thì bồi thường theo qui định. Phần vật tư thiết bị A cấp, đơn giá dự thầu chỉ tính chi phí nhân công lắp đặt, vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản từ kho PCBD đến chân công trường, không tính giá mua thiết bị, vật liệu.
- o Trên cơ sở bản vẽ mời thầu và đi khảo sát hiện trường, nhà thầu đưa ra biện pháp tổ chức thi công và tính toán các loại chi phí sau đây để phân bổ vào giá dự thầu bao gồm : (i) chi phí phát quang, đền bù phục vụ biện pháp thi công; (ii) chi phí cảnh giới giao thông; (iii) chi phí di chuyển bộ máy thi công xây lắp; (iv) chi phí kho bãi để tiếp nhận VTTB A cấp và B cấp; (v) chi phí lán trại phục vụ thi công; (vi) chi phí xin giấy phép thi công xây dựng; (vii) chi phí điện nước phục vụ thi công xây dựng ...
- o Chi phí đóng cắt điện để thi công, đấu nối nhà thầu tính toán để phân bổ vào giá dự thầu.
- o Các công tác phân xây dựng được hiểu bao gồm cả phần gia công và lắp đặt hoàn chỉnh.
- o Nhà thầu phải thực hiện lấy mẫu và thử nghiệm độ đầm chặt của đất đắp nền trạm và đất đắp móng trụ theo yêu cầu thiết kế. Đơn vị thử nghiệm

phải có đầy đủ chức năng theo quy định. Nhà thầu phải phân bổ chi phí vào giá dự thầu.

- o Phần khối lượng đất thực tế vận chuyển đi đổ nhà thầu tự thỏa thuận với địa phương/hộ dân về vị trí cho phép được thải đổ và chi phí thỏa thuận việc thuê bãi thải này do nhà thầu chịu.
- o Nhà thầu chịu trách nhiệm thỏa thuận và bồi thường những thiệt hại do ảnh hưởng trong quá trình thi công của Nhà thầu. Nhà thầu tự tính toán chi phí này để đưa vào giá trị dự thầu xây dựng công trình
- o Phần hạng mục đấu nối hoàn thiện (đối với đường dây, các nhánh rẽ, ngăn lộ) nhà thầu phải dự trù vật tư và chi phí để phục vụ cho việc đấu nối tạm thời trong quá trình thi công hoàn thiện theo kế hoạch cắt, trả điện (nếu có).
- o Đối với các hạng mục thi công cần phải thực hiện di dời tạm đường dây đang có điện để phục vụ thi công theo biện pháp thi công của nhà thầu mà chưa được tiên lượng trong HSMT thì nhà thầu phải tự tính toán dự trù vật tư, chi phí và phân bổ vào giá dự thầu.
- o Nhà thầu chịu trách nhiệm thỏa thuận với người dân địa phương về chi phí để mượn diện tích đất tạm phục vụ thi công đổ đất đào hố móng (nhà thầu phải hoàn trả lại nguyên trạng mặt bằng sau khi thi công móng trụ). Nhà thầu tự tính toán chi phí này để phân bổ vào giá dự thầu xây dựng móng trụ.
- o Nhà thầu tính toán chi phí thông cáp quang phục vụ đóng điện công trình để phân bổ vào giá dự thầu.
- o Nhà thầu tính toán chi phí lập thủ tục, chi phí cảnh giới kéo dây vượt đường, kéo dây giao chéo với đường dây điện lực, thông tin ... để phân bổ vào giá dự thầu.
- o Nhà thầu phải tính toán và phân bổ vào giá dự thầu khối lượng phá dỡ và tái lập các công trình hạ tầng kiến trúc bị ảnh hưởng trong quá trình thi công.
- o Nhà thầu phải tính toán chi phí thực hiện các công tác quản lý môi trường trong quá trình thi công công trình theo yêu cầu của Báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được duyệt. Chi phí này được nhà thầu phân bổ vào giá dự thầu của gói thầu.
- o Đối với các công trình có VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu, trước khi tháo gỡ VTTB thu hồi, nhà thầu phải mời đơn vị quản lý vận hành và giám sát A để lập Biên bản xác nhận tình trạng VTTB thu hồi. Sau khi tháo gỡ, nhà thầu phải mời đơn vị quản lý vận hành và giám sát A lập biên bản xác nhận thực tế tình trạng và khối lượng VTTB thu hồi, trong đó xác định rõ sự sai biệt của VTTB thu hồi giữa thiết kế và thực tế. Nhà thầu phải bảo quản VTTB thu hồi và vận chuyển ngay để hoàn trả cho đơn vị quản lý vận hành. Nhà thầu tự tính toán chi phí bảo quản và vận chuyển VTTB thu hồi để phân bổ vào giá dự thầu của gói thầu. Trường hợp nhà thầu làm thất thoát VTTB thu hồi thì nhà thầu phải bồi thường theo giá trị VTTB hoàn toàn mới tại thời điểm thất thoát.

Ghi chú:

- **Vật tư thu hồi = vật tư tháo dỡ - vật tư lắp lại (nếu có)**
- Về tiếp địa: Nhà thầu tính toán và chào giá trọn gói, chủ đầu tư không giải quyết phát sinh phần tiếp địa trong giai đoạn thi công. Giá trị điện trở đất phải đạt như sau:
 - + Tiếp địa lắp lại đường dây: điện trở đất phải đạt ≤ 20 Ohm.
 - + Tiếp địa thiết bị, tiếp địa chống sét: điện trở đất phải đạt ≤ 10 Ohm.
 - + Tiếp địa TBA < 100kVA: điện trở đất phải đạt ≤ 10 Ohm.
 - + Tiếp địa TBA ≥ 100 kVA: điện trở đất phải đạt ≤ 04 Ohm.
- Về phần dây dẫn thu hồi bằng phần dây dẫn tháo dỡ theo thực tế (theo quy định thu hồi dây dẫn tại văn bản số 4025/EVN SPC-ĐT ngày 20/5/2019) trừ phần dây dẫn lắp lại (nếu có)

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a/ Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Quy phạm trang bị điện 11 TCN-19-2006: Hệ thống đường dẫn điện;
- Quy phạm tải trọng và tác động TCVN 2737-1995;
- Quy định kỹ thuật lưới điện nông thôn áp dụng cho dự án NLNT Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006;
- Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13/09/2006 của Bộ Công Nghiệp về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn;
- Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện;
- Thông tư 32/2010/TT-BCT ngày 30/07/2010 của bộ Công Thương về việc hệ thống điện phân phối;
- Quyết định số 1727/QĐ-EVN-SPC ngày 18/06/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc Quy định tiêu chuẩn công tác lưới điện phân phối EVN-SPC.

b/. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Mọi chi phí về thí nghiệm, kiểm tra chất lượng mẫu vật liệu thi công phục vụ các công tác xây lắp do nhà thầu đảm nhiệm và tính vào giá dự thầu.
- Tuân thủ các quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Chủ đầu tư, Công ty Điện lực Bình Dương, kỹ sư giám sát, Chủ nhiệm đồ án hoặc người được ủy quyền và tổ chức thi công xây lắp đã được ghi rõ trong Điều lệ quản lý Đầu tư và xây dựng cơ bản và Điều lệ quản lý chất lượng công trình.
- Các cơ sở để đánh giá chất lượng công tác thi công xây lắp, các quy định về thi công và nghiệm thu, quy trình thí nghiệm và các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại các văn bản sau:

TT	QUY ĐỊNH	SỐ	NGÀY BAN HÀNH
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong XD	QCVN 18/2014/BXD	2014
2	Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng.	06/2021/NĐ-CP	26/01/2021

c/ Công tác thí nghiệm: Khi nhà thầu không đảm nhận được một hay toàn bộ các thí nghiệm trên (nếu có), Chủ đầu tư có quyền chỉ định hoặc mời một đơn vị tư vấn hay một trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thực hiện, chi phí sẽ do nhà thầu chi trả.

d/ Kiểm tra chất lượng công trình:

- Việc kiểm tra chất lượng công trình được tiến hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi được nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu chất lượng hạng mục công trình để thanh toán hoặc chuyển giai đoạn thi công, hoặc khi các công tác thi công được cho rằng không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.

- Công tác kiểm tra chất lượng phải ghi rõ các kết quả kiểm tra, các thông số đo đạc về kích thước hình học, cao độ, cùng các chỉ tiêu kỹ thuật khác như các kết quả thí nghiệm vật liệu, cốt liệu, cùng các yêu cầu khác có liên quan. Các kết quả trên phải được ghi rõ trong biên bản nghiệm thu hoặc kiểm tra, đặc biệt đối với các công trình khuôn lắp.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các chất lượng vật liệu và sản phẩm thi công của mình, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, các chứng chỉ vật liệu và các thành phần cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giai đoạn thi công hoặc khi Ban QLDA yêu cầu. Ban QLDA có thể sử dụng các số liệu của nhà thầu làm cơ sở nghiệm thu công trình.

- Khi kiểm tra lại các hạng mục công trình hoặc các nguyên vật liệu thi công có kết quả không đạt yêu cầu thì nhà thầu phải tiến hành ngay việc sửa chữa hoặc phá dỡ các sản phẩm hay nguyên liệu đó, đồng thời phải tiến hành các thí nghiệm các chứng chỉ chất lượng của việc sửa chữa đó bằng chi phí của nhà thầu.

e/ Trao đổi công việc

- Mọi ý kiến đề nghị, yêu cầu của nhà thầu đối với chủ đầu tư, Ban QLDA phải được thể hiện bằng văn bản và được lưu trữ trong hồ sơ

- Các quyết định, chỉ thị của chủ đầu tư, Ban QLDA hoặc người được ủy quyền giải quyết cũng được thể hiện bằng văn bản.

- Chỉ có Chủ đầu tư và người đại diện được ủy quyền (bằng văn bản) mới có quyền đưa ra các chỉ thị, quyết định cho nhà thầu.

f/ Các mốc thi công: Sau khi nhận bàn giao mặt bằng thi công, nhà thầu có trách nhiệm bảo quản các mốc tọa độ và cao độ dùng cho thi công đồng thời xây dựng các mốc phụ để có thể khôi phục lại các mốc chính khi bị hư hỏng, thất lạc trong quá trình thi công.

g/ Nghiệm thu thanh toán điểm dừng kỹ thuật: Việc đo đạc nghiệm thu khối lượng sẽ được thực hiện giữa nhà thầu và Chủ đầu tư hoặc cùng các giám sát viên trên cơ sở khối lượng xây lắp nhà thầu đã thực hiện được, kèm theo chứng chỉ về chất lượng kỹ thuật, đảm bảo các kích thước hình học, được gọi chung là biên bản nghiệm thu kỹ thuật hạng mục công trình.

h/ Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

- Vật tư thiết bị sử dụng cho công trình phải phù hợp với các tiêu chuẩn quy định. Trường hợp các vật tư thiết bị sử dụng mà Hồ sơ mời thầu này chưa có các tiêu chuẩn qui định thì trước khi sử dụng cho công trình Nhà thầu phải chứng minh bằng các chứng chỉ thử nghiệm, chứng chỉ nguồn gốc, catalogue của Nhà Sản Xuất và văn bản cam kết của Nhà thầu rằng vật tư thiết bị đó đạt tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tương đương.

- Đối với qui cách và chủng loại các vật tư thiết bị chủ yếu khác chưa qui định thì cần tuân theo qui định của bản vẽ thiết kế thi công kèm theo Hồ sơ mời thầu này.

- Tất cả các loại vật liệu, thiết bị dùng cho công trình do Nhà thầu cung cấp phải

đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trong thiết kế kỹ thuật thi công công trình đã được phê duyệt và tuân thủ các quy phạm tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Chất lượng của vật liệu, thiết bị và công trình phải tuân thủ Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Các bản vẽ thiết kế thi công phải được đọc song song với Quy định kỹ thuật này.

- Yêu cầu chung: Nhà thầu phải lập bảng danh mục vật tư sử dụng cho công trình, sao cho:

+ Đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế

+ Đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

+ Phù hợp với giá dự thầu

- Nhà thầu phải cam kết trình mẫu vật tư để Chủ đầu tư phê duyệt trước khi sử dụng trong thi công, tất cả các vật liệu nếu chưa được duyệt mẫu sẽ không được sử dụng cho công trình .

- Ngoài công tác thi công được yêu cầu kỹ thuật như trên, các công tác khác phải đáp ứng theo đúng yêu cầu của các tiêu chuẩn Việt Nam và thiết kế kỹ thuật thi công. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí thử nghiệm (nếu có) để chứng minh vật tư mà Nhà thầu sử dụng đạt theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Chi tiết chủng loại vật tư, tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị kèm theo.

i/ Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

- Trong phạm vi công trình và trong phạm vi giới hạn khu đất xây dựng, nếu có các chướng ngại (công trình, cây cối) ảnh hưởng đến an toàn hoặc gây khó khăn cho thi công thì nhà thầu cần có các biện pháp giải quyết phù hợp như di chuyển, đào nhỏ gốc cây....

- Nếu có các hạng mục công trình ngầm (cáp điện, đường ống ...) nằm trong khu vực xây dựng thì nhà thầu cần có các biện pháp bảo vệ cần thiết và báo cáo Công ty Điện lực Bình Dương. Trường hợp gây ra hư hỏng do không có biện pháp bảo vệ phòng ngừa thích hợp hoặc các hạng mục công trình này chưa được xác định trong hồ sơ thiết kế thì nhà thầu phải tự sửa chữa, phục hồi lại hoặc di chuyển ra ngoài khu vực.

- Khi cần di chuyển các hạng mục nói trên, nhà thầu phải thông báo cho Ban QLDA hoặc kỹ sư tư vấn giám sát và tư vấn thiết kế để có kế hoạch thực hiện.

- Công tác nghiệm thu được tiến hành tại hiện trường và phải có đầy đủ hồ sơ:

+ Bản vẽ hoàn công của từng loại công việc

+ Các bản vẽ thi công có ghi đầy đủ các thay đổi trong quá trình xây lắp

+ Các văn bản cho phép thay đổi chi tiết và bộ phận trong thiết kế

+ Các kết quả kiểm tra trên các mẫu thử và các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu khác (nếu có).

+ Sổ Nhật ký thi công

+ Dung sai cho phép

j/ Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;

- Nhà thầu phải lập bản vẽ hoàn công, nêu rõ tất cả mọi công việc thực tế thi công tại hiện trường và phải được gửi cho Chủ Đầu Tư trước khi vận hành chạy thử.

- Trước khi chuyển giao công trình, nhà thầu phải chuẩn bị 03 bộ hoàn chỉnh sách hướng dẫn vận hành và bảo trì bằng Tiếng Việt cho mỗi hạng mục lắp đặt, sách hướng dẫn phải được thông qua Chủ Đầu Tư.

- Sách hướng dẫn bảo trì bao gồm các hạng mục sau:

+ Trang bìa ghi

+ Tên công trình

+ Tên tài liệu

- + Tên và địa chỉ nhà thầu lắp đặt
- + Trang kế tiếp
- + Trang mục lục
- + Mô tả công trình lắp đặt
- + Danh mục chi tiết của máy móc và thiết bị
- + Hướng dẫn vận hành, kể cả chi tiết của hệ thống điều khiển tự động.
- + Hướng dẫn bảo trì và tìm hỏng hóc, kể cả danh mục tập hợp bảo trì định kỳ.
- + Báo cáo thử nghiệm và hồ sơ vận hành chạy thử.
- + Phụ tùng thay thế và chất bôi trơn.
- + Tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo
- + Danh mục bản vẽ hoàn công
- + Sách hướng dẫn sẽ được ghi số trang liên tục và đóng dấu giáp lai của nhà thầu lắp đặt.

k/ Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

- Trước khi thi công, Nhà thầu phải tổ chức cho cán bộ công nhân viên học tập và thực tập các biện pháp an toàn lao động, an toàn sử dụng điện, PCCC tại nơi làm việc.
- Thông báo rộng rãi cho tất cả mọi người biết số điện thoại khẩn cấp như: PCCC, cấp cứu tai nạn, CA địa phương để được sự hỗ trợ cần thiết.
- Hàng ngày trước khi làm việc, đội trưởng, cán bộ kỹ thuật, tổ trưởng kiểm tra lại tình trạng của tất cả các bộ phận thi công, kiểm tra xong mới cho nhân viên làm việc.
- Trong khi làm việc bất kỳ công nhân nào phát hiện thấy nguy hiểm, mất an toàn phải ngừng làm việc và báo cáo cho cán bộ kỹ thuật hoặc đội trưởng để xử lý.
- Áp dụng mọi biện pháp và phương tiện cần thiết để phòng cháy, chữa cháy. Bố trí nhiều bình cứu hỏa tại văn phòng làm việc, kho xưởng và các vị trí thi công có thực hiện các công việc hàn, cắt, thử áp lực...
- Giám sát an toàn có quyền yêu cầu dừng công việc và rời khỏi vị trí làm việc nếu thấy không đảm bảo các điều kiện về an toàn.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Chủ đầu tư, Nhà nước cùng toàn bộ các phí tổn về việc để xảy ra cháy, nổ trong công trường.

l. Yêu cầu về vệ sinh môi trường; Nhà thầu phải đảm bảo trong quá trình thi công không tạo ra tiếng ồn lớn, phải có biện pháp che chắn bụi tránh làm ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

Phải có biện pháp giữ gìn vệ sinh trong, xung quanh và ngoài công trình

m. Yêu cầu về an toàn lao động;

- Nhà thầu phải có các biện pháp và phương tiện hữu hiệu để đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình trong suốt quá trình thi công.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Chủ đầu tư, Nhà nước cùng toàn bộ các phí tổn về việc để xảy ra tai nạn trong công trường.
- Tại vị trí nguy hiểm, nhà thầu phải bố trí các biển báo, cấm cò, rào chắn, ban đêm có đèn. Ngoài công trường Nhà thầu phải gắn biển tên công trường thể hiện phối cảnh và tên các đơn vị có liên quan.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn cho toàn bộ những hoạt động tại Công trường và phải có Ban an toàn lao động cho Công trường để xây dựng, phổ biến và cho toàn thể cán bộ công nhân viên tại Công trường học tập, hiểu rõ nội qui an toàn lao động tại Công trường. Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện các qui tắc an toàn lao động đối với công nhân viên tại Công trường và đối với khách đến thăm hoặc liên hệ công tác đối với bất cứ hậu quả nào xảy ra do vi phạm các qui tắc an toàn lao động theo luật định.

n. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

- Nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo nguồn nhân lực và thiết bị thi công luôn có đủ tại công trình đúng như tiến độ cam kết.

- Nhà thầu phải lập và gửi báo cáo hàng tuần cũng như kế hoạch cho tuần kế tiếp về các công việc đã và sẽ tiến hành trong tuần, tình hình nhân lực và số lượng thiết bị cho Ban quản lý dự án.

- Để công trình đảm bảo chất lượng, trước khi tiến hành thi công Nhà thầu phải chuẩn bị các bước sau:

+ Lập kế hoạch trình duyệt toàn bộ các vật tư, thiết bị sẽ sử dụng cho công trình và đệ trình cho đơn vị Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư duyệt.

+ Lập kế hoạch và trình duyệt mẫu một số vật tư lắp đặt (Nếu chủ đầu tư yêu cầu).

+ Lập kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị đệ trình chủ đầu tư và tư vấn xem xét.

+ Nhà thầu sẽ triển khai cung ứng vật tư lắp đặt đến công trình theo tiến độ đã lập và triển khai thương thảo. Ký kết các hợp đồng nhập khẩu thiết bị. Đảm bảo thời gian cung ứng vật tư, thiết bị đến công trình với thời gian ngắn nhất.

+ Kế hoạch cung ứng vật tư, Thiết bị có thể được thay đổi phù hợp và đáp ứng tốt nhất tiến độ thi công hoặc bất kỳ thay đổi nào diễn ra trên thực tế thi công, cũng như đáp ứng tốt công tác phối hợp với các đơn vị nhà thầu khác.

o. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;

- Nhà thầu phải lập và đăng ký tiến độ, biện pháp thi công hàng tuần các hạng mục và tổng thể sau đó đệ trình cho Tư vấn Giám Sát và Chủ đầu tư xem xét triển khai thi công. Cơ sở: Căn cứ trên bảng tiến độ tổng thể và tiến độ tuần của nhà thầu xây dựng. Mọi thay đổi và trở ngại trong quá trình thi công, nhà thầu sẽ làm báo cáo và kiến nghị Chủ đầu tư xem xét, nội dung đề nghị sẽ ghi lại trong nhật ký công trình.

- Nhà thầu phải cam kết hoàn thành công trình theo đúng tiến độ kể từ ngày có lệnh khởi công từ chủ đầu tư.

- Kế hoạch thi công sẽ ưu tiên cho các công tác ảnh hưởng đến tiến độ thi công của nhà thầu xây dựng. Đảm bảo bàn giao mặt bằng nhanh nhất cho công tác hoàn thiện.

p. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải có đủ thiết bị thử nghiệm để thực hiện thường xuyên việc thí nghiệm, kiểm tra chất lượng tại hiện trường.

- Nếu nhà thầu không có hoặc không thuê một tổ chức đủ tư cách pháp nhân, có đủ năng lực trình độ làm thay việc thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình đúng và đủ theo nội dung thí nghiệm kiểm tra được quy định trong các quy trình, tiêu chuẩn thi công nghiệm thu công trình, thì Chủ đầu tư có quyền không cho Nhà thầu thi công, thậm chí hủy bỏ việc tiếp tục thi công và thay bằng một nhà thầu khác đủ năng lực hơn.

- Các khối lượng đã thi công mà không đủ chứng chỉ thí nghiệm và biên bản kiểm tra thì Nhà thầu sẽ không được nghiệm thu thanh toán.

- Nếu Nhà thầu chưa thực hiện việc tự kiểm tra sản phẩm của mình thì Chủ đầu tư có thể từ chối lời mời của Nhà thầu đến kiểm tra nghiệm thu để chuyển giai đoạn thi công hoặc thanh toán khối lượng.

- Trong quá trình thi công, giám sát Chủ đầu tư có quyền kiểm tra và thử nghiệm nguyên vật liệu, máy móc thi công và chất lượng sản phẩm xây lắp của Nhà thầu.

- Nhà thầu phải báo cáo cho Chủ đầu tư thời gian thi công các bộ phận công trình bị che khuất, thời gian chuyển giai đoạn thi công của công trình trước 24 giờ để có điều kiện Chủ đầu tư đến chứng kiến hoặc tham gia việc kiểm tra nghiệm thu cùng Nhà thầu.

- Việc kiểm tra nghiệm thu của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu đối với chất lượng thi công công trình.

- Nhà thầu có trách nhiệm đưa ngay các nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thi

công không đảm bảo chất lượng ra khỏi phạm vi thi công (công trường).

- Nhà thầu phải có bộ phận giám sát và quản lý chất lượng để trực tiếp thực hiện việc kiểm tra chất lượng các vật tư, thiết bị khi hoàn thành lắp đặt, căn cứ trên tiêu chí chất lượng theo quy định và các tiêu chuẩn đã được tiêu chuẩn hóa do hồ sơ thiết kế qui định và các tiêu chuẩn về an toàn do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

2. Các yêu cầu khác:

a. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Nhà thầu phải tự tổ chức nghiệm thu các công việc xây dựng, đặc biệt các công việc, bộ phận bị che khuất; bộ phận công trình; các hạng mục công trình và công trình, trước khi yêu cầu Bên giao thầu nghiệm thu. Đối với những công việc xây dựng đã được nghiệm thu nhưng chưa thi công ngay thì trước khi thi công xây dựng phải nghiệm thu lại. Đối với công việc, giai đoạn thi công xây dựng sau khi nghiệm thu được chuyển nhà thầu khác thực hiện tiếp thì phải được nhà thầu đó xác nhận, nghiệm thu.

- Nhà thầu phải đảm bảo thực hiện đăng ký chữ ký số và thiết bị công nghệ phục vụ công tác lập Nhật ký thi công điện tử và Biên bản nghiệm thu điện tử trên Chương trình đầu tư xây dựng chung của Tập đoàn Điện lực Việt Nam IMIS 2.0; phối hợp Đơn vị TVGS kiểm tra và ký xác nhận theo quy định.

- Bên giao thầu có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng kịp thời sau khi có phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu và có đầy đủ các tài liệu làm cơ sở phục vụ cho việc nghiệm thu đúng theo qui định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Cán bộ quản lý và giám sát công trình của Bên giao thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa hoàn chỉnh các sai sót, tồn tại trong quá trình thi công hoặc các sửa chữa khẩn cấp để tránh thiệt hại và/hoặc để đảm bảo cho sự an toàn đối với con người và tài sản. Kết quả kiểm tra và các ý kiến của cán bộ giám sát công trình đều phải ghi vào sổ nhật ký giám sát của Bên mời thầu hoặc biên bản kiểm tra theo quy định. Đơn vị thi công phải nghiêm túc chấp hành và tổ chức sửa chữa ngay theo yêu cầu và phù hợp với thiết kế.

- Các hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được Bên giao thầu nghiệm thu.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm lập bản vẽ hoàn công toàn bộ công trình xây dựng theo quy định, cung cấp file bản vẽ hoàn công theo định dạng Autocad và theo đúng hệ tọa độ VN-2000. Trong bản vẽ hoàn công phải ghi rõ họ tên, chữ ký của người lập bản vẽ hoàn công. Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công xây dựng phải ký tên và đóng dấu. Bản vẽ hoàn công là cơ sở để thực hiện bảo hành và bảo trì.

- Chịu trách nhiệm mua các bảo hiểm, kể cả bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng và lắp đặt cho công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng cho công trình đảm bảo tính hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm được liên tục không gián đoạn trong suốt quá trình thi công, bảo hành.

- Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, thực hiện gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng và gia hạn bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng (nếu có) cho công trình đảm bảo tính hiệu lực của Hợp đồng được liên tục không gián đoạn trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Bản vẽ hoàn công được người giám sát thi công xây dựng của Bên giao thầu ký tên xác nhận.

- Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực và chuẩn xác của bộ hồ

sơ hoàn công.

- Tất cả các thời hạn nêu trên bao gồm cả ngày chủ nhật và ngày lễ.
- Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:
- Ngay sau khi ký kết hợp đồng cho công trình nhà thầu lập phương án thi công và kế hoạch thi công trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng, đồng thời phải trình chủ đầu tư phê duyệt.
- Các công việc của Nhà thầu trên công trường sẽ được kiểm tra, giám sát thường xuyên và có hệ thống trong thời gian thực hiện hợp đồng để đảm bảo rằng tất cả khối lượng công việc được thực hiện một cách hoàn chỉnh và đạt chất lượng.
- Nhà thầu phải tổ chức quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo nội dung qui định trong Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
- Nhà thầu phải đảm bảo rằng Bên giao thầu có thể liên hệ bằng điện thoại bất cứ lúc nào trong thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm cả ban đêm và ngày nghỉ, để giải quyết các trường hợp khẩn cấp và các vấn đề phát sinh trong công việc.
- Bên giao thầu sẽ thông báo quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giám sát thi công xây dựng công trình cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình biết để phối hợp thực hiện.
- Bên giao thầu có quyền chỉ định, vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian thực hiện hợp đồng, một người đại diện hoặc nhiều hơn để thực hiện công việc quản lý và giám sát công trình.
- Cán bộ quản lý và giám sát công trình của Bên giao thầu có trách nhiệm thực hiện đúng theo các nội dung được qui định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, cụ thể như theo dõi, kiểm tra, xác định khối lượng, chất lượng,... các công việc do Nhà thầu thực hiện đúng theo thiết kế và các qui trình qui phạm chuyên ngành điện hiện hành. Cán bộ quản lý và giám sát công trình của Bên giao thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa hoàn chỉnh các sai sót, tồn tại trong quá trình thi công hoặc các sửa chữa khẩn cấp để tránh thiệt hại và/hoặc để đảm bảo cho sự an toàn đối với con người và tài sản. Kết quả kiểm tra và các ý kiến của cán bộ giám sát công trình đều phải ghi vào sổ nhật ký giám sát của Bên mời thầu hoặc biên bản làm việc tại hiện trường theo qui định. Đơn vị thi công phải nghiêm túc chấp hành và tổ chức sửa chữa ngay theo yêu cầu và phù hợp với thiết kế.
- Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu giữa cán bộ giám sát công trình của Bên giao thầu và Nhà thầu có các ý kiến khác nhau, không thống nhất biện pháp giải quyết thì cán bộ giám sát công trình và Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Bên giao thầu. Trong trường hợp này Bên giao thầu sẽ cử đại diện đến ngay hiện trường để xem xét và giải quyết.

b. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử):

- Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp các thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng các vật tư thiết bị B cấp theo bảng tiên lượng đính kèm trong HSMT theo danh mục chào thầu.
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và phù hợp (đáp ứng) của VTTB do B cấp:
 - + Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp
 - + Xuất xứ của hàng hóa được hiểu là nước sản xuất (trong một số trường hợp có thể được hiểu là địa phương, nhà máy, ...) mà hàng hóa được khai thác, sản xuất, chế tạo hoặc tại đó thông qua việc lắp ráp, chế tạo bổ sung để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại nhưng có sự khác biệt đáng kể về bản chất so với các chi tiết nhập khẩu cấu thành sản phẩm.

+ Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa theo quy định như trên, ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu chứng minh kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.

+ Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh tính phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa. Trong trường hợp là hàng hóa nhập khẩu thì nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận nhập khẩu (CO, CQ) trước thời điểm lắp đặt 10 ngày trong trường hợp nhà thầu được xét trúng thầu.

- Tất cả các vật tư, thiết bị có dòng điện chạy qua và chịu lực, vật liệu cách điện sử dụng cho công trình do Nhà thầu cấp phải đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật (sản xuất, thí nghiệm,...) do Bên giao thầu ban hành kèm theo HSMT.

- Nhà thầu phải cung cấp cho Bên giao thầu giấy chứng nhận chất lượng và số lượng của nhà sản xuất và đầy đủ các biên bản xuất xưởng, biên bản thử nghiệm điển hình, thử nghiệm nghiệm thu theo tiêu chuẩn kỹ thuật ban hành theo E-HSMT (theo phụ lục yêu cầu thử nghiệm đính kèm nếu trúng thầu), Catalogue thiết bị của nhà sản xuất, bản vẽ chi tiết kết cấu, bản vẽ lắp ráp hoặc có chuyên gia hướng dẫn cần thiết đối với vật tư, thiết bị. Sau khi ký kết hợp đồng đơn vị thi công phải cung cấp đầy đủ tất cả các biên bản thử nghiệm của các VTTB do nhà thầu cung cấp trước khi khởi công công trình.

- Bên giao thầu có quyền kiểm soát kho công trường của Nhà thầu mà không cần thông báo trước, do đó Nhà thầu không được phép tồn trữ trong kho công trường các loại vật tư, thiết bị kém phẩm chất hoặc không đúng mẫu đã đăng ký.

- Bên giao thầu có quyền chọn mẫu bất kỳ trong từng lô hàng vật tư, thiết bị B cấp được thử nghiệm ở các đơn vị độc lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa trước khi lắp đặt. Mọi chi phí cho việc thử nghiệm này do Nhà thầu chịu. Nếu kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu, Bên giao thầu có quyền loại bỏ toàn bộ số lượng mặt hàng đó mà không phải chịu bất kỳ một phí tổn nào.

- Tất cả các VTTB phải được Cán bộ giám sát kiểm tra nghiệm thu đạt chất lượng theo QCKT ban hành theo HSMT trước khi được lắp đặt cho công trình.

- Bên B phải cung ứng vật tư, thiết bị do mình cấp đúng tiến độ, và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật như trong HSMT, các VTTB phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng theo hồ sơ mời thầu đã được Bên A thông qua, cụ thể:

+ Đối với các VTTB do Nhà thầu cung cấp cho công trình để thi công bằng phương pháp liveline phải có BBTN và được dán tem kiểm định còn hiệu lực (trong thời gian 3 tháng).

+ Tất cả vật tư thiết bị phải có biên bản thử nghiệm thường xuyên, các biên bản này không quá 6 tháng trước khi đóng điện, và phải là bản sao y bản chính.

+ Tất cả các VTTB phải có biên bản thử nghiệm điển hình, phải là bản sao y bản chính và nhà thầu cam kết hàng hóa cùng lô hàng với biên bản thử nghiệm điển hình đạt chất lượng như biên bản thử nghiệm điển hình.

+ Trong thời hạn 15 ngày sau khi hợp đồng được ký kết Nhà thầu phải tổ chức lấy mẫu thử nghiệm nghiệm thu cho tất cả các VTTB B cấp theo đúng yêu cầu E-HSMT.

+ Các VTTB Bên B cấp phải được Bên A thông qua trước khi lắp đặt trên lưới điện.

+ Bên giao thầu sẽ cung cấp vật tư, thiết bị cho Nhà thầu tại kho của Công ty Điện lực Củ Chi và Nhà thầu có trách nhiệm nhập vật tư thiết bị thu hồi tại kho Công ty Điện lực Củ Chi (thời gian thực hiện trong vòng 05 ngày kể từ khi có phiếu xuất, nhập vật tư thiết bị). Địa điểm giao, nhập vật tư, thiết bị có thể thay đổi, nhưng không làm tăng cự ly vận chuyển so với cự ly từ địa điểm nói trên đến hiện trường thi công công trình.

+ Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo quản vật tư, thiết bị do Bên giao thầu cấp ngay

sau khi nhận hàng từ kho của Bên giao thầu và chịu trách nhiệm vận chuyển các vật tư, thiết bị này tới kho công trường của Nhà thầu.

+ Nhà thầu phải chuẩn bị kho công trường đảm bảo yêu cầu tồn trữ, bảo quản vật tư, thiết bị một cách an toàn.

+ Vật tư, thiết bị được tồn trữ, bảo quản theo đúng hướng dẫn được qui định bởi nhà chế tạo và theo yêu cầu của Bên giao thầu.

+ Tất cả vật tư, thiết bị do Bên giao thầu cấp nếu có dư, thừa, và vật tư, thiết bị cũ thu hồi từ lưới điện thuộc trách nhiệm của Nhà thầu phải bảo quản, vận chuyển và trả về kho của Bên giao thầu, hoặc tại một địa điểm khác có cự ly tương đương do Bên giao thầu chỉ định. Đối với các VTTB cũ thu hồi, nhà thầu phải xử lý để đảm bảo đủ điều kiện nhập kho Bên giao thầu theo đúng quy định về quản lý VTTB của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Điện lực Củ Chi.

+ Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm với bất cứ sự mất mát, hư hỏng hay thiệt hại cho vật tư, thiết bị do Nhà thầu gây nên. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải chịu bồi thường bằng hiện vật theo đúng chủng loại, mẫu mã, qui cách hoặc bị trừ bằng tiền theo quy định của Bên giao thầu.

c. Yêu cầu về an toàn lao động:

- An toàn tuyệt đối cho con người và thiết bị là yêu cầu hàng đầu của Bên giao thầu đối với Nhà thầu.

- Nhà thầu phải chỉ định ít nhất một kỹ sư an toàn cho công trình và bố trí đầy đủ giám sát an toàn cho từng nhóm công tác tại hiện trường.

- Kỹ sư an toàn và người giám sát an toàn phải thông thạo tất cả các qui luật về điện, các qui trình kỹ thuật an toàn cũng như các phương tiện khác để tránh rủi ro tại nơi thực hiện công việc trong hợp đồng.

- Tất cả các công nhân, các nhóm thực hiện các công việc trong hợp đồng đều phải được huấn luyện, hướng dẫn đầy đủ các qui trình, qui định về kỹ thuật điện, kỹ thuật an toàn điện... và được kiểm tra, xác nhận đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn về an toàn của cấp có thẩm quyền theo đúng qui định hiện hành.

- Ngoài ra, Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý an toàn lao động đối với nhà thầu thi công, nhân công thuê ngoài theo văn bản 3895/EVNHCMC-AT ngày 25/8/2020 của Tổng công ty Điện lực TPHCM, cụ thể như sau:

+ Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, trang cụ an toàn đúng, đủ và phù hợp với công việc (đảm bảo chất lượng, có thử nghiệm/ kiểm định).

+ Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (có thể an toàn lao động đối với người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động).

+ Huấn luyện về an toàn điện theo nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 và có thể an toàn điện (bậc 3/5 trở lên).

+ Đảm bảo yêu cầu đào tạo về chuyên môn của người lao động phù hợp với công việc.

+ Công nhân làm công việc trên lưới điện phải được khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tổ chức giám sát, kiểm tra việc đảm bảo an toàn lao động; thực hiện khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động theo quy định.

+ Thực hiện các chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động.

+ Thực hiện hồ sơ quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng theo quy định; chịu trách nhiệm xử lý về máy, thiết bị.

+ Trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ phục vụ công tác thi công (kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động, phương án thi công, biện pháp tổ chức, biện pháp kỹ thuật an toàn...).

+ Lưu giữ, cung cấp hồ sơ về an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến người lao động.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện: 84 ngày (Bao gồm ngày chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).

- **Tổng số lần cắt điện cho công trình : 3 lần cắt điện.**

STT	Phạm vi cắt điện	Khối lượng	Số lần cắt điện
1	Từ trụ 28 đến trụ 45 nhánh rẽ Cờ Đỏ	- Thi công dựng cột, lắp dây chống sét, nâng cấp dây	1
2	Từ trụ 12 đến trụ 28 nhánh rẽ Cờ Đỏ	- Thi công dựng cột, lắp dây chống sét, nâng cấp dây	1
3	Từ trụ 116 đến trụ 12 nhánh rẽ Cờ Đỏ	- Thi công dựng cột, lắp dây chống sét, nâng cấp dây	1

* **Lưu ý:**

- Thời gian thực hiện cắt điện: Nhà thầu thực hiện số lần cắt điện phù hợp với quy định của Tổng công ty Điện lực TP. HCM (không quá **05 giờ** cắt điện cho **01 vị trí** và không thực hiện cắt điện lắp lại cho cùng vị trí).

- Công ty Điện lực Bến Cát có thể rút ngắn số lần cắt điện trong trường hợp kết hợp cắt nhiều vị trí trong cùng một lần do trùng kế hoạch công tác.

IV. Các bản vẽ: (Đính kèm file trên Hệ thống).

V. Phụ lục đặc tính kỹ thuật : (Đính kèm file trên Hệ thống).

VI. TỔNG HỢP VTTB:

1. BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ THIẾT BỊ: A CẤP

STT	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Khối lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Cáp ngầm 3 pha 24 kV ruột đồng, cách điện XLPE CXV/DSTA 3x 240mm ²	114,13	mét	
2	Đầu cáp ngầm ngoài trời (OD) 3 pha 24kV-3x240mm ²	2	đầu	

2. BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ THIẾT BỊ: B CẤP

2.1. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

STT	Danh pháp	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật
1	3.02.20.318.000.00.000	Trụ BTLT DUL 18m- 1100 kgf, không tiếp địa, K=2	Theo BCKTKT
2	4.38.10.020.VIE.00.000	Bulon 22x1200 VR2Đ	972/KT&AT ngày 17/11/2025
3	3.06.20.408.000.00.000	Đà sắt L8x75x75x800 (1 ốp)	Theo BCKTKT
4	3.06.20.507.000.00.000	Chống L 50x50x5x710	Theo BCKTKT
5	3.06.20.150.000.00.000	Đà sắt L8x75x75x1500 (4 ốp)	Theo BCKTKT
6	3.06.20.653.000.00.000	Chống dẹt 60 x 6 x 530	Theo BCKTKT

STT	Danh pháp	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật
7	4.43.16.301.000.00.000	Bulon 16x300 VRS	972/KT&AT ngày 17/11/2025
8	4.43.16.901.000.00.000	Bulon 16x1100 VRS	972/KT&AT ngày 17/11/2025
9	3.06.20.415.000.00.000	Đà sắt L8x75x75x1500 (3 ốp)	Theo BCKTKT
10	3.06.20.511.000.00.000	Chống L 60x60x6 - 1165	Theo BCKTKT
11	3.06.80.092.VIE.00.000	Chống dẹt 60 x 6 x 920	Theo BCKTKT
12	4.35.16.250.000.00.000	Bulon 16x250	972/KT&AT ngày 17/11/2025
13	3.06.40.890.VIE.00.000	Thanh chống dẹt 40x10 dài 0,92m composite	Theo BCKTKT
14	4.35.16.300.000.00.000	Bulon 16x300	972/KT&AT ngày 17/11/2025
15	4.35.16.120.000.00.000	Bulon 16x120	972/KT&AT ngày 17/11/2025
16	3.06.30.170.VIE.00.000	Đà sắt U 4,5x46x100x3000	Theo BCKTKT
17	4.35.16.350.000.00.000	Bulon 16x350	972/KT&AT ngày 17/11/2025
18	4.43.16.600.000.00.000	Bulon 16x600 VRS	972/KT&AT ngày 17/11/2025
19	3.20.05.253.VIE.00.000	Nối ép WR 815 (cỡ dây 120-240/25-50)	DAY19
20	3.15.41.055.VIE.00.000	Cáp thép TK35	DAY07
21	3.15.25.025.000.00.000	Cáp đồng trần C-25	Theo BCKTKT
22	3.20.25.013.VIE.00.000	Kẹp splitbolt 2/O (A35-50/C10-95)	Theo BCKTKT
23	3.20.12.419.VIE.00.000	Nối ép WR 419 (cỡ dây 70-120/70-120)	DAY19
24	4.90.31.026.000.00.000	Ống HDPE Ø 25	5511/EVNHCMC-KT ngày 03/11/2016
25	3.20.94.758.000.00.000	Đai thép 20x0,4 dài 1,2m & 2 khóa đai	Theo BCKTKT
26	4.90.31.021.000.00.000	Ống HDPE Ø 21	5511/EVNHCMC-KT ngày 03/11/2016
27	3.20.94.014.000.00.000	Uclevis (Khung U)	Theo BCKTKT
28	3.10.08.004.VIE.00.000	Sứ ống chỉ 80mm	972/KT&AT ngày 17/11/2025
29	3.20.60.305.000.00.000	Kẹp căng dây AC150-240mm ²	DAY23
30	4.38.30.004.VIE.00.000	Bulon mắc 16x350	972/KT&AT ngày 17/11/2025
31	3.20.07.345.VIE.00.000	Kẹp căng dây AC50-70mm ²	DAY23
32	3.10.88.824.VIE.00.000	Cách điện treo Polymer 24kV - 120kN + 01 Umani	Theo BCKTKT
33	3.20.53.254.000.00.000	Giáp núu cỡ dây ACXH 24kV 240mm ² + yếm + 1 móc U thimble	Theo BCKTKT
34	3.10.08.004.VIE.00.000	Sứ ống chỉ 50mm	972/KT&AT ngày 17/11/2025
35	4.35.16.150.000.00.000	Bulon 16x150	972/KT&AT ngày 17/11/2025
36	3.20.60.301.000.00.000	Khóa néo 3U (50-70mm ²) dây trần	Theo BCKTKT

STT	Danh pháp	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật
37	3.10.90.208.000.00.000	Móc treo chữ U (F16)	972/KT&AT ngày 17/11/2025
38	4.74.16.150.000.00.000	Bulon mắc 16x150	972/KT&AT ngày 17/11/2025
39	4.90.31.194.VIE.00.000	Ống nhựa xoắn HDPE ϕ 200/260	5511/EVNHCMC-KT ngày 03/11/2016
40	2.50.05.950.000.00.000	Dây Thép trần xoắn mạ kẽm [TK]-50mm ² (dây chống sét)	DAY07
41	3.15.28.050.000.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép As-50/8 lắp < 10m	Theo BCKTKT
42	3.15.91.050.000.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24KV VXAs-50/8 lắp > 10m	Theo BCKTKT
43	3.15.91.240.000.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép bọc 24KV VXAs240/32 lắp > 10m	Theo BCKTKT
44	3.15.28.240.VIE.00.000	Cáp nhôm trần lõi thép 24KV AC-240/32 lắp > 10m	Theo BCKTKT
45	3.15.82.025.000.00.000	Cáp đồng bọc 24kV CXH 25mm ²	Theo BCKTKT
46	3.10.86.425.000.00.000	Cách điện đứng loại Pinpost 24kV (chiều dài đường rò \geq 25mm/kV)	112/QĐ-HĐTV ngày 21/9/2021
47	3.20.05.500.VIE.00.000	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	DAY19
48	3.20.05.120.VIE.00.000	Kẹp WR 929 (120-240/120-240)	DAY19
49	3.20.17.050.VIE.00.000	Ống nối ép dây cỡ 50mm ²	Theo BCKTKT
50	3.20.53.002.000.00.000	Giáp buộc đầu sứ đơn composite 50mm ² (loại có bán dẫn)	Theo BCKTKT
51	3.20.53.012.000.00.000	Giáp buộc đầu sứ đơn composite 240mm ² (loại có bán dẫn)	Theo BCKTKT
52	3.20.53.034.000.00.000	Giáp buộc cổ sứ đôi composite 240mm ² (loại có bán dẫn)	Theo BCKTKT
53	3.20.22.975.000.00.000	Kẹp quai U 477 (cỡ dây 150-240mm ²)	Theo BCKTKT
54	3.20.35.802.000.00.000	Kẹp hotline 2/0	Theo BCKTKT
55	3.20.22.142.VIE.00.000	Kẹp hotline 4/0	Theo BCKTKT
56	3.20.80.587.000.00.000	Đầu cosse Cu 240mm ² loại 02 lỗ	Theo BCKTKT
57	3.20.80.833.000.00.000	Đầu cosse Cu/Al 240mm ² loại 02 lỗ	Theo BCKTKT
58	4.35.16.100.000.00.000	Boulon 16x100 + 02 LĐV (60x60x6)	972/KT&AT ngày 17/11/2025
59	3.20.05.642.000.00.000	Kẹp IPC 25-130/70-150	5511/EVNHCMC-KT ngày 03/11/2016
60	8.92.15.225.VIE.00.000	Biển số trụ - biển nguy hiểm	Theo BCKTKT
61	3.15.43.240.000.00.000	Cáp đồng bọc 24 kV CXH-240 mm ²	Theo BCKTKT
62	3.15.43.151.VIE.00.000	Cáp đồng bọc CV - 0,6/1kV- 150mm ²	Theo BCKTKT
63	4.90.21.201.000.00.000	Ống HDPE D200 tron dày 9,6mm lên trụ bảo vệ cáp ngầm	5511/EVNHCMC-KT ngày 03/11/2016
64	3.06.50.118.VIE.00.000	Collier giữ ống nhựa tron HDPE (D=200) luôn cáp ngầm lên trụ	5511/EVNHCMC-KT ngày 03/11/2016

STT	Danh pháp	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật
65	3.70.75.157.000.00.000	Băng keo cách điện trung thế	Theo BCKTKT
66	3.42.06.270.000.00.000	DS 3 pha 24kV - 630A, cách điện polymer (dòng rò 31mm/kV)	Theo BCKTKT
67	3.42.90.182.000.00.000	LA 18kV 10kA	Theo BCKTKT
68	3.06.20.412.000.00.000	Đà sắt L8x75x75x1200 (1 ốp)	Theo BCKTKT
69	4.43.16.351.000.00.000	Bulon 16x350 VRS	972/KT&AT ngày 17/11/2025
70	3.06.20.738.VIE.00.000	Đà sắt L8x75x75x2000 (4 ốp)	Theo BCKTKT
71	3.06.20.425.000.00.000	Đà sắt L8x75x75x2400 (4 ốp)	Theo BCKTKT
72	3.06.20.024.000.00.000	Đà composite hình vuông rỗng 75x75x6x2400	Theo BCKTKT
73	3.06.30.601.VIE.00.000	Đà sắt U 4,5x46x100x500 (trạm gói)	Theo BCKTKT
74	3.06.40.176.VIE.00.000	Đà sắt U 5x60x160x2100 (loại A)	Theo BCKTKT
75	3.06.40.173.VIE.00.000	Đà sắt U 5x60x160x1457	Theo BCKTKT
76	3.06.30.114.VIE.00.000	Đà U 4,5x46x100x900	Theo BCKTKT
77	3.06.30.188.VIE.00.000	Đà sắt U 5x60x160x1700 (loại A)	Theo BCKTKT
78	4.43.16.400.000.00.000	Bulon 16x400 VRS	972/KT&AT ngày 17/11/2025
79	4.38.00.057.VIE.00.000	Bulon 16x100	972/KT&AT ngày 17/11/2025
80	4.38.00.054.VIE.00.000	Bulon 16x50	972/KT&AT ngày 17/11/2025
81	4.74.16.300.000.00.000	Bulon móc 16x300	972/KT&AT ngày 17/11/2025
82	3.20.74.840.VIE.00.000	Cọc đất 16x2400 + kẹp cọc (mạ kẽm)	Theo BCKTKT
83	3.20.80.025.000.00.000	Cosse ép Cu 25mm ² (lỗ F10)	Theo BCKTKT
84	4.90.80.410.000.00.000	Nắp chụp kẹp quai	Theo BCKTKT
85	3.20.22.970.000.00.000	Kẹp quai U 2/0 (cỡ dây 35-95mm ²)	Theo BCKTKT
86	4.90.21.060.000.00.000	Ống PVC Ø 60	Theo BCKTKT
87	4.90.53.060.000.00.000	Co ống PVC Ø 60	Theo BCKTKT
88	4.90.21.114.000.00.000	Ống PVC Ø 114	Theo BCKTKT
89	4.90.53.114.000.00.000	Co ống PVC Ø 114	Theo BCKTKT
90	3.06.50.556.000.00.000	Code Ø285 kẹp 2 ống uPVC Ø114 vào trụ BTLT 12-14m	Theo BCKTKT
91	3.70.75.001.000.00.000	Băng keo cách điện	Theo BCKTKT
92	3.70.75.513.000.00.000	Băng quấn Silicon	Theo BCKTKT

* Lưu ý: Đối với các Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị B cấp còn lại áp dụng các yêu cầu, tiêu chuẩn theo “Chỉ dẫn kỹ thuật” của BCKTKT công trình đã được phê duyệt.

2.2. YÊU CẦU THỬ NGHIỆM NGHIỆM THU:

STT	Tên vật tư	Số lượng	Mẫu thử nghiệm nghiệm thu	Các hạng mục cần thử nghiệm thu chất lượng
1	Trụ BTLT DUL 18m- 1100 kgf, không tiếp địa, K=2	102 trụ	01	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước. - Kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật. - Xác định cường độ bê tông. - Xác định khả năng chịu tải: <ul style="list-style-type: none"> + Thử uốn nứt. + Thử uốn gãy.
2	Cách điện đứng loại Pinpost 24kV (chiều dài đường rò $\geq 25\text{mm/kV}$)	317 bộ	01	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kích thước của cách điện (Verification of the dimensions). - Thí nghiệm lực chịu đựng cơ học khi uốn (Mechanical failing load test). - Thí nghiệm chu kỳ nhiệt (Temperature cycle test). - Đo chiều dày lớp mạ kẽm phần kim loại (Galvanizing test). - Thử nghiệm sốc nhiệt (Thermal shock test) cho cách điện Toughened glass. - Kiểm tra độ rỗng cách điện gốm (Porosity test) cho cách điện Ceramic material.
3	Đà sắt U 4,5x46x100x3000	105 cây	01	<ul style="list-style-type: none"> - Đo kích thước. - Giới hạn bền đứt. - Giới hạn chảy. - Độ giãn dài tương đối khi đứt. - Thử uốn 180°. - Thử nghiệm độ dày lớp mạ: <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần hóa học của kẽm nóng chảy. + Độ dày trung bình của lớp mạ. + Độ bền bám dính của lớp mạ.

STT	Tên vật tư	Số lượng	Mẫu thử nghiệm nghiệm thu	Các hạng mục cần thử nghiệm nghiệm thu chất lượng
4	Cáp nhôm bọc lõi thép bọc 24KV VXAs240/32	9.502,47 mét	01	<ul style="list-style-type: none"> - Thử nghiệm điện: + Thử chịu xung (125kV, 1.2/50μs) tiếp theo thử nghiệm điện áp tần số công nghiệp 32kV trong 15 phút. + Thử điện áp cao xoay chiều tăng cao 38kV trong 04 giờ. - Thử nghiệm không điện: + Đo điện trở của dây dẫn. + Đo bội số bước xoắn của mỗi lớp. + Thử nghiệm suất kéo đứt của ruột nhôm, sợi thép. + Thử nghiệm lực kéo đứt của dây dẫn. + Thử nghiệm suất kéo đứt của sợi thép khi độ giãn dài là 1%. + Thử nghiệm độ giãn dài tương đối của sợi thép. + Thử nghiệm khối lượng tăng kẽm của sợi thép. + Thử nghiệm số lần bẻ gấp của sợi nhôm. + Thử nghiệm độ bền chịu uốn của sợi thép. + Đo chiều dày nhỏ nhất tại một điểm bất kỳ của cách điện. + Đo chiều dày nhỏ nhất tại một điểm bất kỳ của vỏ bọc. + Đo chiều dày nhỏ nhất tại một điểm bất kỳ của màn chắn ruột dẫn điện. + Thử để xác định tính chất cơ học của cách điện trước và sau khi lão hóa. + Thử để xác định tính chất cơ học của vỏ bọc trước và sau khi lão hóa. + Thử lão hóa bổ sung trên các mẫu cáp hoàn chỉnh. + Thử nóng cho cách điện XLPE. + Thử ngâm nước đối với cách điện. + Đo hàm lượng tro của vỏ bọc HDPE. + Thử độ co ngót của cách điện XLPE.
5	Cáp nhôm trần lõi thép 24KV AC-240/32	3.157,41 mét	01	<ul style="list-style-type: none"> - Đo điện trở của dây dẫn. - Đo chiều dài bước xoắn của mỗi lớp, đường kính các lớp. - Thử nghiệm lực kéo đứt của sợi nhôm, sợi thép. - Thử nghiệm lực kéo đứt của dây dẫn. - Thử nghiệm lực kéo của sợi thép khi độ giãn dài là 1%. - Thử nghiệm độ giãn dài tương đối của sợi thép. - Thử nghiệm khối lượng tăng kẽm của sợi thép. - Thử nghiệm số lần bẻ gấp của sợi nhôm. Thử nghiệm độ bền chịu uốn của sợi thép.

*** Lưu ý:**

- Đối với các vật tư thiết bị B cấp không yêu cầu thử nghiệm nghiệm thu. Tuy nhiên nhà thầu phải cung cấp đầy đủ biên bản thử nghiệm điển hình và giấy cam kết chất lượng sản phẩm và phiếu xuất xưởng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thấy nghi ngờ về chất lượng, Chủ đầu tư sẽ lấy mẫu bất kỳ trong số VTTB do Nhà thầu cung cấp để thử nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, nếu kết quả thử nghiệm không đạt chất lượng Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí thử nghiệm.

- Nếu nhà thầu được trao thầu thì nhà thầu phải cung cấp đầy đủ biên bản thử nghiệm điển hình cho các VTTB còn lại trong vòng **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng được hai Bên ký kết (Cung cấp CO, CQ nếu là hàng nhập khẩu);

a. Tất cả biên bản thử nghiệm điển hình nhà thầu cung cấp phải được thực hiện bởi phòng thử nghiệm độc lập có chức năng (nếu là bản photo phải được công chứng tại địa phương hoặc phải có chứng thực sao y bản chính của đơn vị thử nghiệm). Nội dung thử nghiệm điển hình được nêu cụ thể tại Phần thứ III – Phụ lục đặc tính kỹ thuật.

b Khi nghiệm thu VTTB nhà thầu phải cung cấp phiếu xuất xưởng các mặt hàng theo ĐTKT qui định (đối với hàng trong nước), cung cấp CO, CQ (đối với hàng nhập khẩu). Trước khi tổng nghiệm thu công trình phải cung cấp đầy đủ các biên bản thử nghiệm nghiệm thu.

c. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

d. Số lượng mẫu bê tông/mẫu thí nghiệm độ đầm chặt của đất đối với móng trụ đường dây trung, hạ thế (áp dụng đúng Nghị định 175/NĐCP)

*e. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng : Nhà thầu phải thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **36 tháng** kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công trình.*

VII. Một số nội dung chi tiết liên quan đến điều kiện cụ thể hợp đồng khi Nhà thầu trúng thầu:

E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none">- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 05% giá trị hợp đồng.- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 05% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 05% giá trị hợp đồng cho Bên A.- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước), thời hạn bảo lãnh hợp đồng tối thiểu là 180 ngày và cộng thêm 28 ngày sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và Bên A
------------------	--

	<p>nhận được bảo lãnh bản hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích; + Bên B vi phạm thỏa thuận tại mục 57 E-ĐKC hợp đồng. + Nếu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu là 21 ngày. - Trường hợp dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 21 (a)	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thi công: 84 ngày (Bao gồm thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ). - Thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành: 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải và giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau: Toà án tỉnh Bình Dương là nơi phân xử, giải quyết các tranh chấp của hợp đồng theo quy định của Pháp luật. Các chi phí kiểm tra, kiểm định cần thiết về lệ phí Tòa xử do bên có lỗi chịu.</p>
E-ĐKC 28	<p>Ngày khởi công: Theo lệnh khởi công công trình của Chủ đầu tư. Ngày hoàn thành dự kiến: Cụ thể theo lệnh khởi công công trình</p>
E-ĐKC 30.7	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu thi công và đơn vị TVGS đăng ký chữ ký số của cá nhân có trách nhiệm ghi và ký NKTCĐT, BBNTĐT với đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số được pháp luật công nhận. - Việc ghi NKTCĐT của nhà thầu thi công, đơn vị TVGS phải được cập nhật lên hệ thống chậm nhất 24 giờ sau khi hoàn thành ca làm việc, được xác nhận bởi người có đủ thẩm quyền (bằng quyền truy cập cá nhân được cấp trong hệ thống và

	<p>chữ ký số đã đăng ký). Chỉ huy trưởng của nhà thầu và TVGS ca sau có trách nhiệm truy cập để đọc, nắm bắt đầy đủ các nội dung và đơn đốc đơn vị thi công, các bên liên quan thực hiện các nội dung yêu cầu, khuyến cáo của các ca trước trong NKTCDT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với BBNTĐT, sau khi nghiệm thu xong, các bên phải hoàn thiện nội dung và cập nhật ngay lên hệ thống. - Trường hợp tại thời điểm ký NKTCDT hoặc BBNTĐT có sự cố liên quan đến đường truyền hoặc hạ tầng viễn thông CNTT, các bên thực hiện ký bản giấy. Trong vòng 72 giờ, các đơn vị có trách nhiệm cập nhật nội dung (bao gồm ảnh chụp bản giấy) và ký số trên phần mềm IMIS. - Nhà thầu ký nhật ký: Khi hết ca, Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ nội dung đã nhập trong ca theo đúng quy định của các văn bản pháp luật và quy định của EVN về nhật ký thi công và ký số (bằng Sim CA đã đăng ký). - Biên bản nghiệm thu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu thi công đăng ký công việc nghiệm thu trên phần mềm IMIS bao gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> • Hạng mục công trình; • Đầu mục thực hiện; • Công việc nghiệm thu; • Đơn vị thi công; • Thời gian nghiệm thu. + Cập nhật hồ sơ nghiệm thu: nhà thầu thi công cập nhật các căn cứ và hồ sơ phục vụ công tác nghiệm thu, bao gồm hồ sơ TKBVTC được duyệt và các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị... theo quy định. + Gửi đề nghị nghiệm thu: Cán bộ nhà thầu thi công kiểm tra biên bản nghiệm thu được tổng hợp trên phần mềm, xác nhận để gửi đề nghị nghiệm thu cho TVGS.
<p>E-ĐKC 42.1</p>	<p>Tạm ứng thực hiện hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên B được tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng trước thuế trong vòng 07 ngày khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy yêu cầu tạm ứng của Bên B. - Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Bên B. - Bảo lãnh tiền tạm ứng cho Bên A (<i>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành tương đương số tiền tạm ứng</i>). - Kế hoạch thi công chi tiết đã được Bên A thông qua. - Thông báo khởi công. - Hợp đồng bảo hiểm (nếu có). 2. Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay ở lần thanh toán đầu tiên. <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thu hồi là 100% nếu thanh toán đạt trên 50% giá hợp đồng; - Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tiền tạm ứng. - Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, thực hiện gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng và gia hạn bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng (nếu có) cho công trình đảm bảo tính hiệu lực của Hợp đồng được liên tục không gián đoạn trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình. 3. Thời gian tạm ứng: 07 ngày làm việc.

	<p>4. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>5. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:</p> <p>(1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;</p> <p>(2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng;</p> <p>(3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán: Việc thanh toán cho Nhà thầu được áp dụng theo hình thức chuyển khoản 100%.</p> <p>Thời hạn và phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo từng giai đoạn, dựa trên cơ sở đơn giá trúng thầu và hồ sơ nghiệm thu của giai đoạn thanh toán. Lần thanh toán giai đoạn đầu tiên, nhà thầu phải thi công đạt tối thiểu 50% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 90% giá trị mỗi giai đoạn sau khi đã thu hồi vốn tạm ứng. - Sau khi nhận được hồ sơ thanh toán - nghiệm thu giai đoạn hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra xem xét và gửi lên cơ quan quản lý cấp phát vốn thanh toán giai đoạn. - Chủ đầu tư thanh toán đến 95% giá trị hoàn thành trong giai đoạn cuối (bao gồm phần đã tạm ứng và thanh toán giai đoạn) cho nhà thầu trong vòng 20 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ nghiệm thu và bảo đảm bảo hành công trình, đồng thời nhà thầu đã xử lý hoàn tất các tồn tại (nếu có) của công trình. - Giá trị thanh toán được tính theo giá trị hợp đồng cộng hoặc trừ giá trị phụ lục hợp đồng (cộng trong trường hợp phát sinh tăng, trừ trong trường hợp phát sinh giảm). - Hồ sơ thanh toán bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); + Biên bản xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành; + Bảng quyết toán xây lắp hoàn thành; + Đề nghị thanh toán; + Hóa đơn giá trị gia tăng. + 01 bản gốc Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại

	<p>Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng. Thời gian bảo hành công trình 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.</p> <p>- <u>Bảo lãnh bảo hành</u>: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.</p> <p>- <u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành</u>: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành.</p> <p>+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>+ Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời gian bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<p>E-ĐKC 45</p>	<p>Mức thuế suất VAT qui định trong giá chào thầu của nhà thầu là 08%, mức thuế suất thực tế tại thời điểm thương thảo hợp đồng, ký kết thực hiện hợp đồng và thanh quyết toán sẽ được điều chỉnh thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước về thuế VAT.</p> <p><i>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
<p>E-ĐKC 46.1</p>	<p><u>Bảo lãnh bảo hành</u>: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05% giá trị hợp đồng.</p> <p><u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành</u>: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại</p>

Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Tại thời điểm **28 ngày** trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.